UBND PHƯỜNG KIẾN HƯNG
TRƯỜNG THCS PHÚ LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141/CK-THCSPL

Kiến Hưng, ngày 25 tháng 06 năm 2026

CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN NĂM HỌC 2025-2026

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS Phú La công khai hoạt động năm học 2025 – 2026 như sau:

NỘI DUNG CÔNG KHAI

Mục 1. CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

I. Theo Điều 4 (Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo): Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Phú La, Phường Kiến Hưng, Thành phố Hà Nội.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- KĐT Văn Phú, Phường Kiến Hưng, Thành phố Hà Nội
- Thư điện tử: c2phula-hadong@hanoiedu.vn
- Trang web: https://thcs-phula.edu.vn/

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập thuộc Ủy ban nhân dân phường Kiến Hưng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng: Phát triển những giá trị cốt lõi 5 phẩm chất và 10 năng lực học sinh.

- Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời kỳ hội nhập. Là một trong những trường THCS có chất lượng giảng dạy trong quận. Đào tạo thế hệ học sinh có truyền thống tự hào là học sinh trường THCS Phú La, là những công dân có ích cho gia đình và xã hội, là những con người mới XHCN, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống, phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực để sống làm việc và hội nhập toàn cầu.

- Mục tiêu:

- Chất lượng hai mặt giáo dục:

a) Chỉ tiêu về kết quả rèn luyện

Năm học	Tổng số HS	Kết quả rèn luyện							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
2025-2026	2.216	2.151	*97.07*	65	*2.93*	0	*0*	0	*0*

b) Chỉ tiêu về kết quả học tập

Năm học	Số HS	Kết quả học tập							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
2025-2026	2.216	1.350	*60.92*	669	*30.19*	195	*8.8*	2	*0.09*

- Số học sinh được xét công nhận tốt nghiệp THCS: 99.6%.

- Luôn đứng ở tốp đầu của các trường trong phường. Có trên 85% HS đỗ vào trường THPT công lập. Nhiều em đỗ các trường chuyên quốc gia và chuyên Hà Nội; Số học sinh có điểm cao nhiều.

- Cấp thành phố: thi phong trào: có em Nguyễn Thảo Linh lớp 8A6 đạt giải Vàng trong cuộc thi Liên hoan nhạc cụ của học sinh.

- Cấp Thành phố: thi đấu trường Vioedu: đạt 12 giải trong đó có 01 giải Bạc, 03 giải Đồng và 08 giải Khuyến khích;

- Cấp phường: thi đấu trường Vioedu: đạt 36 giải trong đó có 04 giải Vàng, 06 giải Bạc, 12 giải Đồng và 14 giải Khuyến khích; Giải thể thao học sinh phổ thông năm 2026 với thành tích đạt 6 giải nhất, 4 giải nhì và 6 giải ba.

- Giải thể thao học sinh phổ thông phường Kiến Hưng năm 2026 với thành tích đạt 6 giải nhất, 4 giải nhì và 6 giải ba.

- Giao lưu học sinh giỏi khối 6,7,8 cấp trường: đạt 118 giải trong đó có 15 giải Nhất, 23 giải Nhì, 34 giải Ba và 46 giải Khuyến khích.

- Đạt đơn vị xuất sắc về Thể dục thể thao cấp Thành phố năm học 2020 – 2021; 2025-2026.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

- Trường thành lập năm từ ngày 31 tháng 11 năm 2011 và đi vào hoạt động bắt đầu từ ngày 31 tháng 5 năm 2012.

- Nhà trường liên tục được tặng Bằng khen tập thể xuất sắc của Thành phố, năm học 2023-2024 được nhận Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Năm học 2025-2026 đề nghị tặng Bằng khen của Chính phủ.

6. Thông tin người đại diện để liên hệ.

- Họ và tên: Trịnh Đình Hiếu

- Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

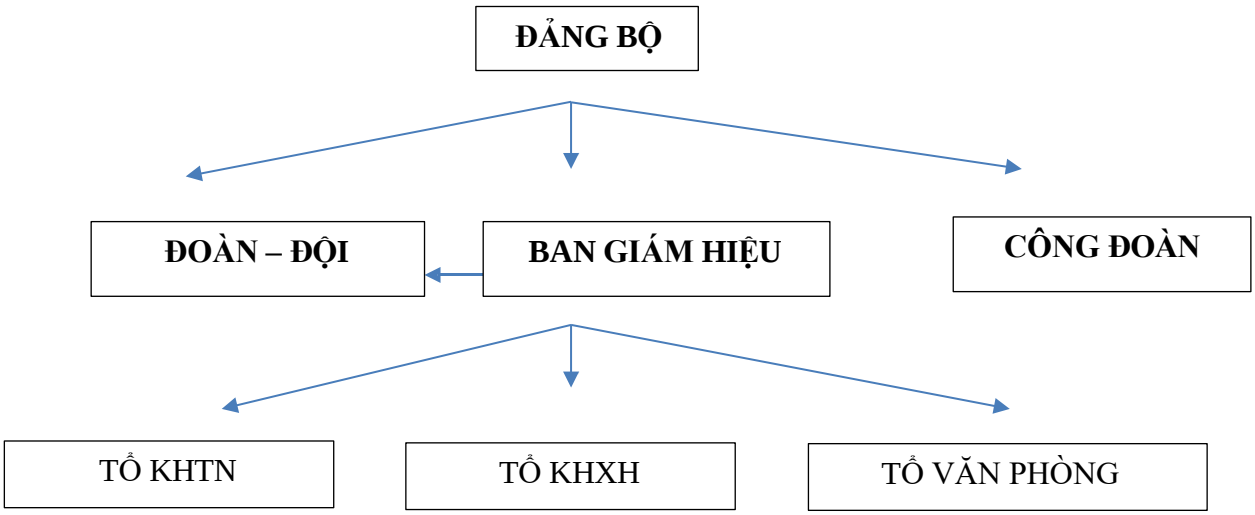
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Phú La, KĐT Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội

- Số điện thoại: 035.666.7559

- Địa chỉ thư điện tử: trinhdinhhieu-c2phula@pgdhadong.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:



- Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục:

Hiệu trưởng: Trần Thị Lệ Hà – SĐT: 0982.197.564

Thư điện tử: tranthileha-c2phula@pgdhadong.edu.vn

II. Theo Điều 5 (Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo). Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước năm 2024): (bản đính kèm)

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên...); Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực

tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ...); Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng...); chi khác. (bản đính kèm)

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển. (bản đính kèm)

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: miễn học phí theo theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND: (bản đính kèm)

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): (bản đính kèm)

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở. Công khai hàng tháng trong các cuộc họp Hồi đồng sư phạm nhà trường.

Mục 3. CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

III. Theo Điều 8 (Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo). Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

Cán bộ quản lý: 03

Giáo viên: 72

Nhân viên: 08

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

- Giáo viên

TT	Môn	Giáo viên		Biênchế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ			>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Ngữ văn	14	13	14	1	1	13	0	0
2	Toán	14	10	14	0	1	13	0	0
3	Tiếng Anh	11	6	11	0	0	11	0	0
4	GDCD	3	2	3	0	0	3	0	0
5	Lịch sử & Địa lý	8	7	7	1	0	8	0	0
6	KHTN	16	7	10	6	2	14	0	0

7	Công nghệ	2	2	2	0	0	2	0	0
8	Tin học	3	1	2	1	0	3	0	0
9	GDTC	6	5	5	1	0	6	0	0
10	Âm nhạc	2	2	2	0	0	2	0	0
11	Mỹ thuật	2	2	2	0	1	1	0	0

- Cán bộ quản lý, nhân viên

TT	Môn	Số lượng		Đảng viên	Biênchế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Hiệu trưởng	1	1	1	1		1	0	0	0
2	Phó Hiệu trưởng	2	1	2	1		1	1	0	0
3	Kế toán	1	1	1	1		0	1	0	0
4	Văn thư	0	0	0	0	1	0	0	0	1
5	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Thư viện	1	1	0	1	0	0	1	0	0
7	Thiết bị	2	2	1	2	0	0	1	1	0
8	Y tế	1	1	0	1		0	0	1	1
9	Bảo vệ	3	0	0	0	3	0	0	0	3
10	Phục vụ	3	3	3	0	3	0	3	0	0

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

- Cán bộ quản lý 03, đạt chuẩn 100%;
- Giáo viên 72, đạt chuẩn 100%;

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Cán bộ quản lý 03, đạt bồi dưỡng 100%;
- Giáo viên 72, đạt bồi dưỡng 100%.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

- Diện tích khu đất xây dựng trường 5.506m2, Điểm trường 01;
- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh 2,8m2;
- Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập;

khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Nội dung	Số phòng	Ghi chú
1	Phòng học	28	
2	Phòng Tin học	1	
4	Phòng thư viện	2	
5	Phòng học bộ môn Tiếng Anh	1	
8	Phòng học bộ môn Công nghệ	1	
9	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	
10	Phòng học bộ môn Mĩ thuật	1	
11	Phòng Ban giám hiệu	3	
12	Phòng Hội trường	1	
13	Phòng Y tế	1	
14	Phòng Đoàn đội	1	
15	Phòng bộ môn KHTN	1	
16	Phòng bộ môn KHXH	1	
17	Phòng Công đoàn	1	
18	Phòng Bảo vệ	1	
19	Nhà đa năng	1	
20	Sân thể thao	0	
21	Tổng diện tích đất	5.506m^2	
22	Nhà xe giáo viên	1	
23	Sô máy vi tính	40	
24	Sô máy vi tính dùng cho cán bộ quản lý và nhân viên	11	

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; Phòng vi tính 40 chiếc;

Máy chiếu có kết nối Internet: 35 chiếc Đảm bảo đủ điều kiện học tập

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có /thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối 6,7,8,9 thực hiện Chương trình Phổ thông 2018 với bộ sách Kết nối tri thức.

TT	TÊN SÁCH	ĐVT
	Khối 6	
1	Toán 6, Tập một	Bản
2	Toán 6, Tập hai	Bản
3	Ngữ văn 6, Tập một	Bản

TT	TÊN SÁCH	ĐVT
4	Ngữ văn 6, Tập hai	Bản
5	Khoa học tự nhiên 6	Bản
6	Lịch sử và Địa lí 6	Bản
7	Giáo dục công dân 6	Bản
8	Âm nhạc 6	Bản
9	Mĩ thuật 6	Bản
10	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6	Bản
11	Công nghệ 6	Bản
12	Tin học 6	Bản
13	Giáo dục thể chất 6	Bản
14	Tiếng Anh 6, Sách học sinh, Tập một - Global Success	Bản
15	Tiếng Anh 6, Sách học sinh, Tập hai - Global Success	Bản
	Khối 7	
1	Toán 7, Tập một	Bản
2	Toán 7, Tập hai	Bản
3	Ngữ văn 7, tập một	Bản
4	Ngữ văn 7, tập hai	Bản
5	Khoa học tự nhiên 7	Bản
6	Lịch sử và Địa lí 7	Bản
7	Giáo dục Công dân 7	Bản
8	Âm nhạc 7	Bản
9	Mĩ thuật 7	Bản
10	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7	Bản
11	Công nghệ 7	Bản
12	Tin học 7	Bản
13	Giáo dục thể chất 7	Bản
14	Tiếng Anh 7 - Global Success - Sách học sinh	Bản
	Khối 8	
1	Toán 8, tập một	Bản
2	Toán 8, tập hai	Bản
3	Ngữ văn 8, tập một	Bản
4	Ngữ văn 8, tập hai	Bản
5	Tiếng Anh 8 - Global Success - Sách học sinh	Bản
6	Khoa học Tự nhiên 8	Bản
7	Công nghệ 8	Bản
8	Giáo dục công dân 8	Bản
9	Tin học 8	Bản
10	Mĩ thuật 8	Bản
11	Lịch sử và Địa lí 8	Bản
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8	Bản
13	Âm nhạc 8	Bản
14	Giáo dục thể chất 8	Bản
	Khối 9	
1	Ngữ văn 9, tập một	Bản
2	Ngữ văn 9, tập hai	Bản
3	Toán 9, tập một	Bản

TT	TÊN SÁCH	ĐVT
4	Toán 9, tập hai	Bản
5	Khoa học tự nhiên 9	Bản
6	Lịch sử và Địa lí 9	Bản
7	Giáo dục công dân 9	Bản
8	Âm nhạc 9	Bản
9	Mĩ thuật 9	Bản
10	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9	Bản
11	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp	Bản
12	Công nghệ 9 - Trải nghiệm nghề nghiệp - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà	Bản
13	Công nghệ 9 - Trải nghiệm nghề nghiệp - Mô đun Trồng cây ăn quả	Bản
14	Công nghệ 9 - Trải nghiệm nghề nghiệp - Mô đun Chế biến thực phẩm	Bản
15	Giáo dục thể chất 9	Bản
16	Tin học 9	Bản
17	Tiếng Anh 9 - Global Success - Sách học sinh	Bản

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	x
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	-	-
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	x
Tiêu chí 1.8		x	x	x
Tiêu chí 1.9		x	x	x
Tiêu chí 1.10		x	x	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				

Tiêu chí 3.1		x	-	-
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		-	x	-
Tiêu chí 5.4		-	x	-
Tiêu chí 5.5		-	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức: 2

Kết luận: Trường đạt Mức 2

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm:

Tháng 08/2025 nhà trường đánh giá lại sau 5 năm và được công nhận chất lượng giáo dục cấp độ 2 kể từ ngày 11/11/2025.

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

- Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp; (không thực hiện)

- Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục: Sở Giáo dục và Đào tạo TP Hà Nội

- Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Tiếng Anh

IV. Theo Điều 9 (Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo). Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

a.1. Chỉ tiêu tuyển sinh: 564 học sinh (11 lớp)

a.2. Hồ sơ tuyển sinh

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
- Học bạ cấp tiểu học.

a.3. Phương thức và đối tượng tuyển sinh

- Xét tuyển
- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã hoàn thành chương trình Tiểu học.

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục số 252/KH-THCSPL ngày 10/09/2025 của trường THCS Phú La, đăng tải trên webiste: https://thcs-phula.edu.vn/

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

c.1. Phối hợp trong xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm (giáo dục chính trị, pháp luật, đạo đức, thể chất, nếp sống văn hoá, sức khoẻ sinh sản vị thành niên, phòng chống tội phạm, tai nạn thương tích, ATGT, vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường cho học sinh).

c.2. Phối hợp trong quản lí học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; giáo dục học sinh cá biệt.

c.3. Phối hợp trong xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, cung cấp các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học của nhà trường.

c.4. Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục

d.1. Hoạt động hỗ trợ học tập & phát triển trí tuệ

Nhằm nâng cao chất lượng học tập, củng cố kiến thức và khơi gợi niềm đam mê sáng tạo của học sinh:

Các câu lạc bộ (CLB) học thuật: CLB Toán học, Tiếng Anh, STEM/STEAM, Tin học, Đọc sách, Nghiên cứu khoa học.

Chương trình phụ đạo & bồi dưỡng: Lớp phụ đạo cho học sinh yếu/kém; lớp bồi dưỡng học sinh giỏi, luyện thi các cấp và chứng chỉ quốc tế (IELTS, SAT, MOS...).

Hoạt động trải nghiệm & thi đấu: Cuộc thi Khoa học kỹ thuật (ISEF), Olympic các môn học, Ngày hội đọc sách, Rung chuông vàng, các buổi hội thảo/chuyên đề hướng dẫn phương pháp học tập hiệu quả.

d. 2. Hoạt động rèn luyện kỹ năng, đạo đức & lối sống

Giúp học sinh hình thành nhân cách tốt, nâng cao khả năng tự lập và thích ứng với xã hội:

Tư vấn tâm lý học đường: Phòng tư vấn tâm lý hỗ trợ giải tỏa áp lực học tập, xích mích bạn bè, trầm cảm tuổi học trò và định hướng phát triển bản thân.

Giáo dục kỹ năng sống: Tập huấn kỹ năng phòng chống bạo lực học đường, kỹ năng an toàn trên không gian mạng, phòng cháy chữa cháy, sơ cấp cứu và quản lý tài chính cá nhân.

Hoạt động Đoàn - Đội: Các chương trình sinh hoạt dưới cờ, kết nạp Đội/Đoàn, phong trào "Thiếu nhi vui khỏe - Tiến bước lên Đoàn", "Đôi bạn cùng tiến".

Hoạt động xã hội & tình nguyện: Chương trình "Áo ấm cho em", quyên góp từ thiện, chiến dịch "Mùa hè xanh", phong trào bảo vệ môi trường (gom pin cũ, trồng cây xanh).

d.3. Hoạt động rèn luyện thể chất & sinh hoạt tập thể

Giúp học sinh giải tỏa căng thẳng và nâng cao sức khỏe thể chất:

CLB & Giải đấu thể thao: Các giải bóng đá, bóng rổ, cầu lông, bơi lội, võ thuật cấp trường hoặc liên trường.

Hoạt động văn hóa - nghệ thuật: CLB Âm nhạc, Hội họa, Nhảy hiện đại, Kịch nghệ; các cuộc thi văn nghệ mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11), Tết Trung thu, Hội xuân...

Tham quan & dã ngoại: Các chuyến đi thực tế (field trip) tại các di tích lịch sử, bảo tàng, trang trại giáo dục hoặc dã ngoại kết hợp teambuilding.

d.4. Hoạt động hỗ trợ sinh hoạt & định hướng tương lai

Tạo môi trường thuận lợi nhất cho cuộc sống học đường của học sinh:

Hướng nghiệp & Phân luồng: Ngày hội tư vấn tuyển sinh, hội thảo định hướng nghề nghiệp, các buổi tham quan thực tế tại doanh nghiệp hoặc trường đại học.

d.5 Chăm sóc sức khỏe & Dinh dưỡng: Khám sức khỏe định kỳ hàng năm; quản lý và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho các suất ăn bán trú/nội trú.

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh: thực đơn ăn theo tuần của công ty nấu ăn.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước: năm học 2024-2025

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Khối lớp	Số lớp, số học sinh			Số HS học 2 buổi/ngày	Số HS khuyết tật	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi	Số HS thiểu số
	Số lớp	Số học sinh						
		Tổng số	Nữ					
6	11	512	230	512	1	1	5	0
7	14	641	317	641	4	10	62	0
8	11	502	234	0	3	9	36	0
9	9	402	177	0	2	4	22	0
Tổng	**45**	**2.057**	**958**	**1.153**	**10**	**24**	**140**	**0**

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

Kết quả xếp loại hạnh kiểm/ rèn luyện

Năm học	Tổng số HS	Kết quả Hạnh kiểm /rèn luyện							
		Tốt		Khá		TB/Đạt		Yếu /Chưa đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL

2024 - 2025	2.057	1.971	*95.82*	83	*4.04*	2	*0,10*	1	*0.05*

*Kết quả xếp loại Học lực/ học tập

Năm học	Số HS	Kết quả học lực /học tập							
		Tốt		Khá		TB/Đạt		Yếu/Chưa đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
2024 - 2025	2.057	1.158	*56.3*	687	*33.4*	206	*10.01*	06	*0.29*

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Học sinh tốt nghiệp lớp 9 đạt 402/402 tỉ lệ 100%.

Học sinh trúng tuyển THPT năm học 2025-2026 là 85%.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): không thực hiện.

Trường THCS Phú La công khai trong hoạt động giáo dục, sau khi kết thúc năm học 2025 – 2026.

Nơi nhận:
- Phòng GD&ĐT quận HĐ (để b/c);
- Đăng trên Webstile trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D PHƯỜNG KIẾN HƯNG T.P HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHÚ LA

Trần Thị Lệ Hà